

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày 09 tháng 6 năm 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Do.

2. Ông Lưu Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền Băng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 250/2020/TLST-DS ngày 24/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-DS ngày 13/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Văn N, sinh năm 1950. Địa chỉ: Đội A, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn ủy quyền cho ông Mai Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Đường N, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia tố tụng (Theo Giấy ủy quyền được công chứng ngày 31/12/2020). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Đội B, thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H. Địa chỉ: Đội B, thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Mai Văn Tấn - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 24/12/2018 bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (bị đơn) có vay của ông Châu Văn N, sinh năm 1950 (nguyên đơn) số tiền 120.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Khi vay, bị đơn cam kết đến tháng 12/2019 trả nợ số tiền

55.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại trả hết đến cuối năm 2020. Tuy nhiên, sau đó bị đơn mới trả được 5.000.000 đồng, còn nợ là 115.000.000 đồng. Do khoản vay trên bị đơn dùng vào mục đích chung gia đình, còn nợ số tiền 115.000.000 đồng nhưng không trả, do đó nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H (bị đơn) và ông Nguyễn Thanh H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 115.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 10%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 24/12/2018 đến khi Tòa án giải quyết xong tại cấp sơ thẩm. Sau khi khởi kiện bà H, ông H trả thêm 5.000.000 đồng, còn nợ số tiền 110.000.000 đồng nợ gốc. Tại phiên hòa giải ngày 14/4/2021 bà H, ông H thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 110.000.000 đồng nhưng bà H, ông H không đưa ra thời hạn trả nợ cụ thể do đó hòa giải không thành nên nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi, cụ thể yêu cầu bà H, ông H trả nợ số tiền vay nêu trên còn nợ là 110.000.000 đồng và trả lãi với lãi suất là 10%/năm trên số tiền gốc còn nợ 110.000.000 đồng, thời hạn tính lãi từ ngày 01/01/2020 đến khi giải quyết xong tại cấp sơ thẩm (ngày 09/6/2021) là 17 tháng 09 ngày.

** Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt. Tuy nhiên theo Biên bản công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 14/4/2021 thì bà Nguyễn Thị H có trình bày như sau:*

Bà là Nguyễn Thị H (bị đơn) công nhận những nội dung nguyên đơn trình bày như trên là đúng sự thật. Giấy vay nợ trên do bị đơn viết và có ghi tên chồng bị đơn cùng vay, nhưng chỉ có một mình bị đơn ký và nhận tiền vay với nguyên đơn. Khi vay tiền trên là để đáo hạn trả nợ ngân hàng nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn (bà H, ông H) trả nợ như trên là đúng nên bà không có ý kiến gì. Bà có ý kiến là khi nào có tiền thì trả nợ cho nguyên đơn chứ bà không có hứa thời gian trả nợ cụ thể.

** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H vắng mặt. Tuy nhiên theo Biên bản công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 14/4/2021 thì ông Nguyễn Thanh H có trình bày như sau:*

Ông là Nguyễn Thanh H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) công nhận những nội dung nguyên đơn, bị đơn trình bày như trên là đúng sự thật. Giấy vay nợ trên do bị đơn viết, do một mình bị đơn ký và nhận tiền vay với nguyên đơn. Khi vay tiền trên là để đáo hạn trả nợ ngân hàng nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông (bà H, ông H) trả nợ như trên là đúng theo quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì. Ông có ý kiến là khi nào có tiền thì trả nợ cho nguyên đơn chứ ông không có hứa thời gian trả nợ cụ thể.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H (bị đơn) và ông Nguyễn Thanh H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trả nợ cho nguyên

đơn số tiền còn nợ là 110.000.000 đồng và tiền lãi cho nguyên đơn. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại địa chỉ: Đội B, thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên tranh chấp trên được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét thấy, tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/12/2020 ông Châu Văn N (nguyên đơn) yêu cầu bà Nguyễn Thị H (bị đơn) và ông Nguyễn Thanh H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 115.000.000 đồng và trả nợ lãi với lãi suất là 10%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 24/12/2018 đến khi giải quyết xong, quá trình giải quyết bà H, ông H đã trả được 5.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi, cụ thể: Yêu cầu bà H, ông H trả số tiền gốc đã vay còn nợ là 110.000.000 đồng và nợ nợ lãi trên số tiền gốc còn nợ 110.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 01/01/2020 đến khi giải quyết xong tại cấp sơ thẩm (ngày 09/6/2021). Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa như trên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, tại chứng cứ là bản chính của “GIẤY HẸN NỢ”, không có ghi ngày tháng năm do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ vụ án (bút lục 33) có nội dung như sau: *“Tôi tên là: Nguyễn Thị H cư trú tại đội thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chồng tôi là Nguyễn Thanh Hn. Vào ngày 24/12/2018 tôi có mượn của ông Châu Văn N, với số tiền là 120.000.000 (Một trăm hai chục triệu chẵn) để đáo hạn ngân hàng. Nay tôi chưa hoàn trả được tôi xin hẹn đến tháng 12/2019 tôi trả cho ông ...”*. Cuối “GIẤY HẸN NỢ” có “chữ ký” và ghi tên “Nguyễn Thị H”.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ do các đương sự cung cấp và được các đương sự đã thừa nhận, thấy rằng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thừa nhận là sau khi bị đơn vay mượn số tiền 120.000.000 đồng và đến nay bà H (bị đơn), ông Hận (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã trả cho ông N (nguyên đơn) được 10.000.000 đồng. Bà H, ông H còn nợ ông N số tiền 110.000.000 đồng nợ gốc là đúng sự thật. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù tại “GIẤY HẸN NỢ” trên do một bà H viết và ký, nhưng theo trình bày của bà Hằng và ông H tại Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 14/4/2021 thì bà H, ông H đã thừa nhận khoản vay tiền trên là khoản vay chung của vợ chồng để đáo hạn ngân hàng nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông bà trả nợ như trên là đúng nên ông, bà không có ý kiến gì. Ông, bà có ý kiến là khi nào có tiền thì trả nợ cho nguyên đơn chứ ông, bà không có hứa thời gian trả nợ cụ thể (Bút lục: 35, 36, 37). Xét thấy, việc bà H và ông H đã thừa nhận nợ và nghĩa vụ trả nợ của ông, bà đối với ông N như đã nêu trên là hoàn toàn có thật và đây là tình tiết, sự kiện pháp lý không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, theo “GIẤY HẸN NỢ” thì bà H và ông H có vay nợ ông N số tiền là 120.000.000 đồng, bà H và ông H cam kết trả nợ cho ông N đến tháng 12/2019

với số tiền 55.000.000 đồng, còn lại nợ trả đến cuối năm 2020 nhưng đến nay mới trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 110.000.000 đồng. Do bà H, ông H không trả hết số tiền vay nêu trên còn nợ là 110.000.000 đồng và H, ông H chỉ hứa là khi nào có tiền thì trả, không đưa ra thời hạn trả nợ cụ thể, điều đó cho thấy bà H, ông N không có thiện chí trả nợ, do đó ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông H trả nợ số tiền gốc còn nợ đã vay nêu trên là 110.000.000 đồng và nợ lãi trên nợ gốc còn nợ này với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/6/2021) là 17 tháng 09 ngày, cụ thể nợ lãi như sau: $110.000.000 \text{ đồng} \times (17 \text{ tháng } 09 \text{ ngày}) \times 10\%/\text{năm}$ (tương đương 0,83%/tháng) = 15.858.313 đồng (làm tròn số). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 125.858.313 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí:

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn N nên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí tranh chấp dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 244, 227, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn Nt. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Châu Văn N với tổng số tiền là 125.858.313 đồng, gồm: Nợ gốc là 110.000.000 đồng, nợ lãi là 15.858.313 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền (làm tròn số) là 6.292.916 đồng.

- Trả lại cho ông Châu Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.875.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000764 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa